

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề gồm 2 trang)

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau :

Câu 1. Khẳng định nào sau đây là **Sai**?

- A. $\frac{-2}{3} \in \mathbb{Q}$. B. $0 \in \mathbb{N}$. C. $0,25 \in \mathbb{Q}$. D. $\frac{-30}{-5} \notin \mathbb{Z}$.

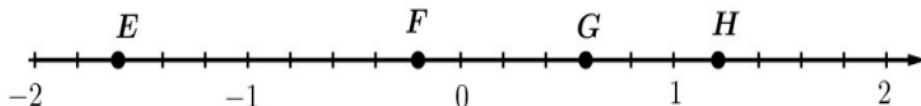
Câu 2. Số đối của $\frac{-15}{4}$ là số nào ?

- A. $-\frac{15}{4}$. B. $\frac{-15}{-4}$. C. $\frac{15}{-4}$. D. $\frac{-4}{15}$.

Câu 3. Trong các số $7,1$; $-1\frac{2}{3}$; $\frac{-12}{-7}$; 0 ; $\frac{-15}{7}$; $\frac{10}{3}$ có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4. Quan sát trục số sau. Khẳng định nào sau đây **Đúng**?



- A. Điểm E biểu diễn số hữu tỉ $\frac{8}{5}$. B. Điểm F biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{1}{2}$.
C. Điểm G biểu diễn số hữu tỉ $\frac{3}{2}$. D. Điểm H biểu diễn số hữu tỉ $\frac{6}{5}$.

Câu 5. Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ như hình vẽ bên. Cạnh AB bằng cạnh nào?

- A. CD. B. C'D'.
C. A'B'. D. Tất cả đều đúng.

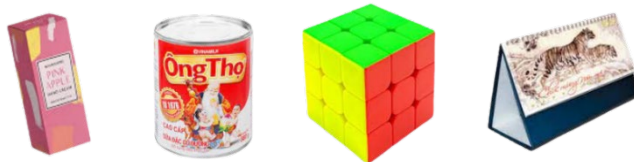
Câu 6. Các mặt của hình hộp chữ nhật là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình thoi.
C. Hình bình hành. D. Hình thang.

Câu 7. Số đường chéo trong hình lập phương là:

- A. 2. B. 3. C. 4.

Câu 8. Trong các hình sau, hình nào là hình lập phương ?

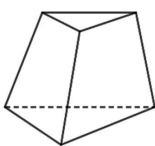


- A. Hộp nước ép. B. Lon sữa bò. C. Khối Rubik D. Lịch để bàn.

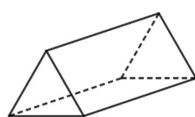
Câu 9. Trong các hình sau, hình nào là hình lăng trụ đứng tứ giác?



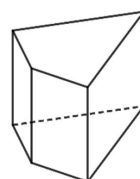
Hình 1



Hình 2



Hình 3

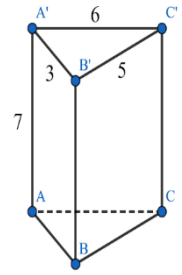


Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

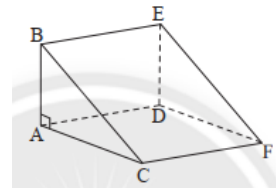
Câu 10. Cho hình lăng trụ đứng tam giác $ABC.A'B'C'$ có cạnh $A'B'=3\text{cm}$, $B'C'=5\text{cm}$, $A'C'=6\text{cm}$, $AA'=7\text{cm}$. Độ dài cạnh BC sẽ bằng?

- A. 3cm. B. 6cm.
C. 5cm. D. 7cm.



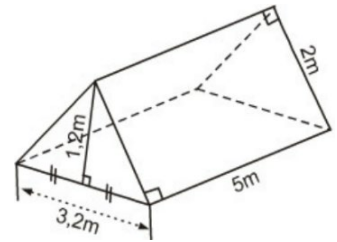
Câu 11. Cho lăng trụ đứng tam giác như hình vẽ bên. Khẳng định nào sau đây **Đúng**:

- A. Mặt đáy ABC .
B. Mặt đáy $ABCD$.
C. Mặt đáy $ADFC$.
D. Mặt đáy $BCFE$.



Câu 12. Cho hình lăng trụ đứng tam giác với kích thước như hình bên. Thể tích của lăng trụ bằng:

- A. $5 \cdot 2 \cdot 3,2 = 32(\text{m}^3)$ B. $5 \cdot 2 \cdot 1,2 = 12(\text{m}^3)$
C. $1,2 \cdot 3,2 \cdot 5 = 19,2(\text{m}^3)$ D. $\frac{1}{2} \cdot 1,2 \cdot 3,2 \cdot 5 = 9,6(\text{m}^3)$



PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (0,75 điểm). Các số $-1\frac{1}{2}$; 9; $-0,5$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?

Bài 2: (1,5 điểm). Tính hợp lý:

a) $\frac{1}{5} + \frac{8}{5} \cdot \frac{-3}{16}$

b) $\frac{3}{5} \cdot \frac{7}{9} + \frac{3}{5} \cdot \frac{2}{9}$

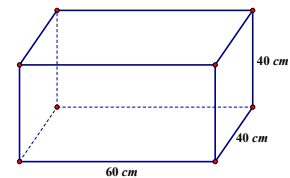
c) $\frac{2 + 2^3 + 4^2}{11}$

Bài 3: (1,5 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:

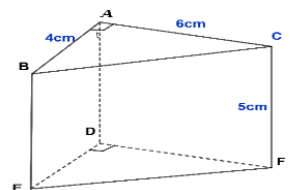
a) $x + \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$

b) $2x - \frac{1}{3} = \frac{-5}{6}$

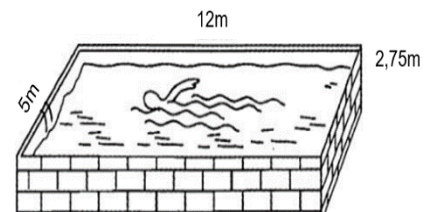
Bài 4: (1,0 điểm). Một hình hộp chữ nhật có kích thước dài 60cm, rộng 40cm và cao 40cm. Tính diện tích xung quanh và thể tích hình hộp chữ nhật đó.



Bài 5: (0,75 điểm) Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông $ABC.DEF$ như hình vẽ. Biết $AB = 4\text{cm}$, $AC = 6\text{cm}$, $CF = 5\text{cm}$. Tính thể tích của hình lăng trụ đứng này.



Bài 6: (0,5 điểm) Một hồ bơi có chiều dài 12m, chiều rộng 5m và chiều cao 2,75m. Người ta ốp gạch men các mặt xung quanh trong hồ và mặt đáy của hồ. Tính chi phí ốp gạch biết rằng chi phí để ốp một mét vuông gạch men là 250 000 đồng.



Bài 7: (1,0 điểm) Nhân ngày 20/10, một cửa hàng thời trang giảm giá 20% cho tất cả các sản phẩm. Đặc biệt nếu khách hàng nào có thẻ khách hàng thân thiết của cửa hàng thì được giảm giá thêm 10% trên giá đã giảm. Chị Thanh là khách hàng thân thiết của cửa hàng, chị đã đến cửa hàng mua một chiếc váy có giá niêm yết là 800 000 đồng. Hỏi chị Thanh phải trả bao nhiêu tiền cho chiếc váy đó?

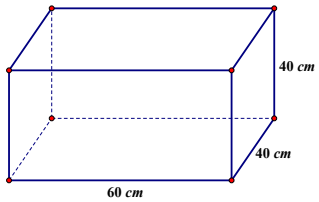
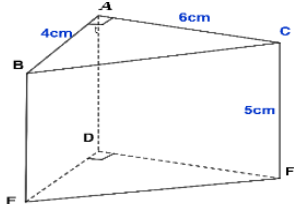
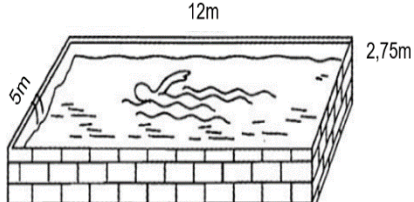
----- Hết -----

PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	B	C	A	D	A	C	C	D	C	A	D

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Các số $-1\frac{1}{2}$; 9 ; $-0,5$ có là số hữu tỉ không ? Vì sao .	
	Đều là số hữu tỉ vì $-1\frac{1}{2} = \frac{-3}{2}$; $9 = \frac{9}{1}$; $-0,5 = \frac{-5}{10}$	0,75
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{1}{5} + \frac{8}{5} \cdot \frac{-3}{16}$	
	$= \frac{1}{5} + \frac{-3}{10}$	0,25
	$= \frac{-1}{10}$	0,25
	Bài 2b (0,5 điểm): $\frac{3}{5} \cdot \frac{7}{9} + \frac{3}{5} \cdot \frac{2}{9}$	
	$= \frac{3}{5} \cdot \left(\frac{7}{9} + \frac{2}{9} \right)$	0,25
	$= \frac{3}{5} \cdot 1 = \frac{3}{5}$	0,25
	Bài 2c (0,5 điểm) $\frac{2+2^3+4^2}{11}$	
	$= \frac{2+2^3+2^4}{11}$	0,25
	$= \frac{2(1+2^2+2^3)}{11} = \frac{26}{11}$	0,25
3	Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x, biết: $x + \frac{1}{4} = \frac{3}{4}$	
	$x = \frac{3}{4} - \frac{1}{4}$	0,5
	$x = \frac{1}{2}$	0,25
	Bài 3b (0,75 điểm). $2x - \frac{1}{3} = \frac{-5}{6}$	

	$2x = \frac{-5}{6} + \frac{1}{3}$ $2x = \frac{-1}{2}$ $x = \frac{-1}{2} : 2 = \frac{-1}{4}$	0,25
		0,25
		0,25
4	Bài 4 (1,0 điểm). Diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật là: $S_{xq} = 2.(60 + 40).40 = 8000(\text{cm}^2)$ Thể tích hình hộp chữ nhật là: $V = 60.40.40 = 96\,000(\text{cm}^3)$	 0,5 0,5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Diện tích đáy của lăng trụ đứng tam giác vuông là: $\frac{1}{2}.6.4 = 12(\text{cm}^2)$ Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác vuông là: $12.5 = 60(\text{cm}^3)$	 0,25 0,5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Diện tích cần ốp gạch $(12+5) . 2 . 2,75 + 12.5 = 153,5 (\text{m}^2)$ Chi phí ốp gạch $250\,000 . 153,5 = 38\,375\,000 (\text{đồng})$	
7	Bài 7 (1,0 điểm). Giá tiền chiếc váy sau khi cửa hàng giảm 20% là: $800\,000.(1 - 20\%) = 640\,000 (\text{đồng})$ Số tiền chị Thanh phải bỏ ra để mua chiếc váy là: $640\,000.(1 - 10\%) = 576\,000 (\text{đồng})$	0,5 0,5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.